TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 350/2022/HS-PT Ngày 20 tháng 5 năm 2022	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Trần Thị Thuý Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 591/2021/TLPT-HS ngày 20 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Bùi Văn Th và các bị cáo khác.

Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2021/HS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị cáo bị kháng nghị:*

1/. **Bùi Văn Th**, sinh năm 1997 tại Quảng Ngãi; nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn P, xã B2, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học vấn: 9/12; con ông: Bùi Văn H; sinh năm: 1966; con bà: Nguyễn Thị B; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 23/7/2019 bị Công an huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng Chứng minh nhân dân giả đến tiệm cầm đồ để cầm cố tài sản.

Bị cáo bị bắt ngày 06/11/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2/. **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1995 tại Quảng Ngãi; nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn P, xã B2, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Làm nông; giới

tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; học vấn: 9/12; con ông: Nguyễn Thanh B; con bà: Phan Thị Th; vợ: Phạm Thị Hà Th, sinh năm 1996 và có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 06/11/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

3/. **Lô Văn D**, sinh năm 1997 tại Quảng Ngãi; nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn P, xã B2, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; học vấn: 9/12; con ông: Lô Văn S; sinh năm 1970; con bà: Bùi Thị Kim Th, sinh năm 1975; vợ: Trần Thị Thúy Tr, sinh năm 1998 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 06/11/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- *Người bào chữa:*

1/. Luật sư Phan Thị Lệ Th, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng, bào chữa cho bị cáo Th. Có mặt.

2/. Luật sư Nguyễn Thị V, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng, bào chữa cho bị cáo T.

3/. Luật sư Huỳnh Th, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng, bào chữa cho bị cáo D. Có mặt.

- *Bị hại:*

1/. Công ty TNHH MTV DVDL A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Minh Th, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Đường Đ, thôn B, xã B1, huyện P, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt

2. Ông Trần Tuấn V, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn B3, xã H, huyện Đ1, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Trần Quốc Th1, sinh năm 1975; địa chỉ: đường Ng, Phường 9, thành phố Đ2, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

2/. Ông Trương Phú T1, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 1, Khu 1, phường Ch, thành phố Th, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

3/. Ông Phạm Anh T2, sinh năm 1976; địa chỉ: đường Ng, Phường 9, thành phố Đ2, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn Th trú tại huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi có quen biết với Lê Đình S (Cu Ba Đ), trú tại huyện Đ1, tỉnh Lâm Đồng; Th biết S chuyên làm các loại giấy tờ giả đi thuê xe ô tô sau đó mang đi cầm cố lấy tiền. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên tháng 8/2020, Bùi Văn Th bàn bạc với Nguyễn Thanh T và Lô Văn D đều trú tại huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi đi vào huyện Đ1, tỉnh Lâm Đồng gặp Lê Đình S để làm giấy tờ giả đi thuê xe sau đó mang cầm cố lấy tiền tiêu xài, T và D đồng ý. Th liên lạc với Lê Đình S rồi T, D và Th đi xe khách từ Quảng Ngãi vào huyện Đ1, tỉnh Lâm Đồng. Khi đến ngã ba Phi Nôm, huyện Đ1 thì S đón đưa cả ba tới nơi ở của S ở thôn Đ3, xã H1, huyện Đ1 rồi S đưa T, D đi chụp hình để làm giấy tờ giả để đi thuê xe ô tô.

Sau khi có hình, S lấy hình của Lô Văn D và làm cho D giấy Chứng minh nhân dân (CMND), bằng lái xe và sổ hộ khẩu giả. Các giấy tờ trên đều có dán hình của D, nhưng thông tin trên giấy CMND thì mang tên Phạm Quốc H, sổ hộ khẩu mang tên Phạm Quốc H1 (trong sổ hộ khẩu có tên nhân khẩu Phạm Quốc H). S lấy hình của Nguyễn Thanh T làm 01 CMND giả, bằng lái xe giả, các giấy tờ trên đều có dán hình của T, nhưng thông tin trên CMND mang tên Hồ Đức T2.

Ngày 24/8/2020, sau khi đưa các giấy tờ giả cho D thì S đưa D và Th đến thôn Đ4, xã N, huyện Đ1, tỉnh Lâm Đồng thuê 01 xe ô tô hiệu Chevrolet mang biển kiểm soát 49A-258.38 của anh Trần Tuấn V với giá 1triệu đồng/ngày. Khi làm hợp đồng thuê xe thì D để lại 01 CMND mang tên Phạm Quốc H và sổ hộ khẩu. Anh Trần Tuấn V giao cho D 01 giấy đăng ký và xe, Th và D mang xe về đưa cho S thì S làm 01 giấy CMND giả mang tên Trần Tuấn V, các thông tin trong giấy CMND giả giống với thông tin trong giấy đăng ký xe 49A-258.38 nhưng hình dán trong CMND là hình của D.

Ngày 26/8/2020, nhóm của S điều khiển xe 49A-258.38 lên Đ2, đến cầm cho tiệm cầm đồ T ở đường Ng, Phường 9, thành phố Đ2 lấy số tiền là 170 triệu đồng. Khi làm hợp đồng cầm đồ thì D để lại giấy đăng ký xe ô tô mang tên Trần Tuấn V và giấy CMND mang tên Trần Tuấn V (bản photo). Sau khi lấy được tiền D đưa tiền cầm xe cho S và được S chia cho D, T và Th mỗi người 10 triệu đồng.

Ngày 28/8/2020, S cùng T, D và Th đến công ty TNHH MTV DVDL A; địa chỉ: thôn B, xã B1, huyện P, tỉnh Bình Phước do anh Đoàn Minh Th làm giám đốc thuê 01 xe ô tô hiệu Ford Everst, biển số 61A-616.92 với giá 1 triệu đồng/ngày. Khi làm hợp đồng thuê xe, Nguyễn Thanh T để lại 01 CMND, 01 giấy phép lái xe giả mang tên Hồ Đức T2; bên cho thuê xe đưa cho Nguyễn Thanh T 01 giấy đăng kiểm xe mang tên Trương Phú T1, giấy biên nhận thế chấp ngân hàng V thể hiện có đăng ký xe BKS 61A-616.92. Sau khi thuê được xe, S làm cho Nguyễn Thanh T 01 giấy CMND giả; thông tin trong giấy CMND giả giống với thông tin trong giấy đăng kiểm xe 61A-616.92 nhưng hình dán trong CMND là hình của Nguyễn Thanh T và 01 giấy đăng ký xe ô tô 61A-616.92 giả mang tên Trương Phú T1. Ngày 31/8/2020, cả nhóm điều khiển xe 61A- 616.92 về thành phố Đ2, tỉnh Lâm Đồng cầm cho tiệm cầm đồ T ở đường

Ng, Phường 9, thành phố Đ2 với giá 400 triệu đồng. Khi làm hợp đồng cầm xe thì Nguyễn Thanh T để lại giấy đăng kiểm, giấy đăng ký xe 61A-616.92 và CMND tên Trương Phú T1. Sau khi có được tiền, Nguyễn Thanh T đưa cho S, S chia cho T, D và Th mỗi người 30 triệu đồng.

Sau khi thực hiện 02 vụ thuê xe mang đi cầm thì Nguyễn Thanh T, Lô Văn D và Bùi Văn Th đi về Quảng Ngãi.

Ngày 07/9/2020 ông Phạm Anh T2 đã có đơn trình báo về việc bị các đối tượng dùng giấy tờ giả cầm 02 xe ô tô chiếm đoạt số tiền 570 triệu đồng.

Kết luận định giá ngày 30/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Lâm Đồng kết luận:

- Xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest, biển kiểm soát 61A-616.92 có giá trị là 802.896.300 đồng (tám trăm linh hai triệu tám trăm chín mươi ngàn ba trăm đồng).

- Xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, biển kiểm soát 49A- 258.38 có giá trị là 246.480.000 đồng (hai trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng).

Kết luận giám định số 1840/CĐ-PC09 ngày 27/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận:

- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 9717401, đề ngày 06/8/2019 là thật.

- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 8900929, đề ngày 23/5/2019 là thật.

- Giấy chứng minh nhân dân số 280916271, đề ngày 07/9/2017; họ tên Trương Phú T1; sinh ngày 23/4/1989; nguyên quán: Bình Dương; nơi đăng kí thường trú: Ch, TP Th, tỉnh Bình Dương là giả;

- Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 097067, đề ngày 23/5/2019; tên chủ xe: Trương Phú T1; địa chỉ: A/1 tổ 1 khu Ch, TP Th là giả;

- Chứng nhận đăng ký xe ô tô 044863, đề ngày 21/5/2019; tên chủ xe: Trần Tuấn V; địa chỉ: Tổ 18 B3, H, Đ1, Lâm Đồng là thật.

Kết luận giám định số 193 ngày 08/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận:

- Giấy chứng minh nhân dân số 250762026, đề ngày 31/10/2016 mang tên Phạm Quốc H là giả;

Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung "Công an xã T * Công an H Đ1* Tỉnh Lâm Đồng" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A6 so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang họ tên Đinh Xuân Th1 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A6 so với chữ ký ghi họ tên Đinh Xuân Th1 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M không phải do cùng một người ký ra.

Ngày 22/10/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng có công văn số 3315 gửi Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Lâm Đồng đề nghị xác định số CMND 251369157 mang tên Trần Tuấn V. Ngày 27/10/2020, Phòng PC 06 Công an tỉnh Lâm Đồng có văn bản trả lời số 923 xác định: Tại thời điểm kiểm tra, số CMND: 251369157 mang tên Trần Tuấn V hiện chưa cấp tới.

Ngày 06/11/2020, Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Bình Dương có văn bản trả lời: Tra cứu tại tàng thư căn cước công dân không giống với tài liệu tạm giữ.

Như vậy tổng cộng các bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại với tổng số tiền là 1.619.376.300đ (một tỷ sáu trăm mười chín triệu, ba trăm bảy sáu ngàn ba trăm đồng).

Đối với Lê Đình S, hiện nay không xác định được đang ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng đã ra Quyết định tách vụ án hình sự đối với Lê Đình S về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe ô tô Ford Everest mang BKS: 61A-616.92; 01 xe ô tô Chevrolet mang BKS: 49A-258.38; (02 chiếc xe trên đã trả lại chủ sở hữu);

- 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô Ford Everest BKS 61A- 616.92 số 8900929 (đã trả lại cho Trương Phú T1);

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Trần Tuấn V; 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô Chevrolet BKS 49A-258.38 (đã trả lại cho bị hại Trần Tuấn V).

Các tài liệu vật chứng lưu trong hồ sơ vụ án gồm:

- 01 giấy CMND số 280916271 mang tên Trương Phú T1; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 097067 mang tên Trương Phú T1; 01 giấy CMND số 251369157 cấp ngày 29/6/2016 mang tên Trần Tuấn V (bản phô tô); 01 sổ hộ khẩu số 393000433 mang tên Phạm Quốc H1, HKTT: T, Đ1, Lâm Đồng; 01 giấy CMND số 250762026 mang tên Phạm Quốc H.

Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi sự việc xảy ra bị hại Trần Quốc Th1 yêu cầu các bị cáo trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt là 570 triệu đồng.

Các bị hại Công ty TNHHMTV DVDL A, Trần Tuấn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Phú T1 đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì thêm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2021/HS-ST ngày 09/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã Tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo: Bùi Văn Th, Nguyễn Thanh T, Lô Văn D cùng phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức*".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Văn Th.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Th 14 (mười bốn) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 04 (bốn) năm tù về tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức*".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Bùi Văn Th phải chấp hành hình phạt chung cho cho cả hai tội là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/11/2020.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 13 (mười ba) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 03 (ba) năm tù về tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức*".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chấp hành hình phạt chung cho cho cả hai tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/11/2020.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lô Văn D.

Xử phạt bị cáo Lô Văn D 13 (mười ba) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 03 (ba) năm tù về tội "*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức*".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Lô Văn D phải chấp hành hình phạt chung cho cho cả hai tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/11/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo không kháng cáo. Ngày 09/12/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị số 01/QĐ/VC3-V1 đề nghị Toà án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh huỷ Bản án sơ thẩm để điều tra lại vì Toà án cấp sơ thẩm xác định tội danh không chính xác, xác định không đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do. Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng Hình sự tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 01/QĐ/VC3-V1 ngày 09/12/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm quy kết, các bị cáo không có ý kiến gì về kháng nghị của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Toà án cấp sơ thẩm xác định tội danh không chính xác vì đây là tội ghép, xác định thiếu hành vi phạm tội, thiếu tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Toà án cấp sơ thẩm xác định người cho thuê xe ô tô là bị hại là không chính xác vì mục đích các bị cáo chiếm đoạt là tiền nên bị hại trong vụ án là người cầm đồ vì bị lừa dối và giao tiền cho các bị cáo. Do xác định sai tư cách bị hại nên dẫn đến áp dụng không đúng hình phạt đối với các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm đề điều tra, xét xử lại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Th và bị cáo T: Thống nhất với kháng nghị của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo D phát biểu: Đồng tình với kháng nghị của Viện kiểm sát cấp cao, tuy nhiên có một số ý kiến đề nghị xem xét: về xác định tội danh, hiện nay còn chưa thống nhất trong các Toà án, với hành vi của các bị cáo như nêu trên thì có Toà án xác định 02 tội danh, có Toà án xác định 01 tội danh, vấn đề này đề nghị Hội xét xử xem xét, nếu có đủ căn cứ thì tuyên các bị cáo phạm 02 tội "*Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức*". Đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", cấp sơ thẩm xác định các bị cáo chiếm đoạt 1,6 tỷ đồng là chưa phù hợp, nếu số tiền chiếm đoạt giảm thì đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho cac bị cáo, không cần thiết phải huỷ án sơ thẩm.

Các bị cáo thống nhất với phần trình bày bào chữa của luật sư, bị cáo không tranh luận gì thêm.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình bị cáo chỉ mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đúng về hình thức, nội dung, trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

[3.1] Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo Bùi Văn Th đã bàn bạc với Lô Văn D, Nguyễn Thanh T làm giả giấy tờ và đi thuê xe rồi đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Các bị cáo từ Quảng Ngãi vào huyện Đ1, tỉnh Lâm Đồng gặp Lê Đình S (hiện đã bỏ trốn khỏi địa phương) chuyên làm các loại giấy tờ giả và được S đưa các bị cáo Bùi Văn Th, Lô Văn D, Nguyễn Thanh T đi chụp hình thẻ; S dùng hình ảnh của Th, D và T làm giả các giấy tờ tuỳ thân như Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, bằng lái xe, giấy đăng ký xe và sử dụng các giấy tờ giả này thuê 01 xe ô tô hiệu Chevrolet mang biển kiểm soát 49A-258.38 của anh Trần Tuấn V có giá trị là 246.480.000đ và xuống tỉnh Bình Phước thuê 01 xe ô tô hiệu Ford Everst, biển số 61A-616.92 của Công ty TNHHMTV DVDL A do anh Đoàn Minh Th làm giám đốc có giá trị là 802.896.300đ; sau đó S tiếp tục làm giả giấy tờ của 02 chiếc xe này là xe của các bị cáo rồi cầm cố 02 chiếc xe ô tô trên cho tiệm cầm đồ T ở đường Ng, Phường 9, thành phố Đ2 để chiếm đoạt số tiền 570.000.000đ.

[3.2] Về xác định tội danh của các bị cáo: Với các hành vi nêu trên có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Bùi Văn Th, Lô Văn D, Nguyễn Thanh T và Lê Đình S cùng chung mục đích thực hiện hành vi phạm tội là làm giả các tài liệu, giấy tờ của cơ quan nhà nước gồm chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, sổ hộ khẩu, đăng ký xe. Các bị cáo Th, D, T đồng phạm cùng với S, đã cung cấp thông tin, hình ảnh cho S để làm giả các tài liệu, giấy tờ nêu trên sau đó các bị cáo sử dụng các giấy tờ, tài liệu này để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó, hành vi của các bị cáo Th, T và D đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo Điều 341 Bộ luật Hình sự như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã phân tích. Toà án cấp sơ thẩm xác định thiếu hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3.3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng của chủ xe ô tô và chủ hiệu cầm đồ:

[3.3.1] Trong vụ án này, về ý thức chủ quan ban đầu, các bị cáo có ý định gian dối giả thuê xe ô tô sau đó mang xe cầm cố để lấy tiền. Các bị cáo thực hiện các thủ đoạn gian dối nhằm đánh lừa chủ xe, bằng cách làm các giấy tờ giả, gồm hộ khẩu, chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe chứa đựng các thông tin giả về lai lịch người có tên trên giấy tờ, về chữ ký, con dấu. Vụ thứ nhất mang tên giả Phạm Quốc H nhưng lại gắn ảnh thật của Lô Văn D; vụ thứ hai mang tên giả Hồ Đức T2, nhưng gắn ảnh thật Nguyễn Thanh T. Các bị cáo đã bố trí cho D đến thuê xe của anh Trần Tuấn V, anh V thấy giấy tờ có ảnh thật của D nên nhầm tưởng là giấy tờ thật, người thật, lai lịch người có tên trong các giấy tờ là thật từ

đó mới giao xe cho D thuê. Tương tự như vậy, vụ thứ hai các bị cáo bố trí cho Nguyễn Thanh T đến Công ty TNHHMTV DVDL A do anh Đoàn Minh Th làm giám đốc để thuê xe và chiếm đoạt. Như vậy, các bị cáo thực hiện thủ đoạn gian dối ngay từ đầu, từ trước khi thuê xe và sau đó chiếm đoạt xe của anh V và Công ty TNHHMTV DVDL A. Hành vi này của các bị cáo đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" vì vậy, xác định chủ xe gồm anh Trần Tuấn V và Công ty TNHHMTV DVDL A là bị hại như Toà án cấp sơ thẩm nhận định là đúng quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và quy định tại Điều 62 Bộ luật Tố tụng Hình sự "Bị hại là cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc là cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe doạ gây ra". Như vậy, các bị cáo đã chiếm đoạt 02 xe ô tô trị giá 1.049.376.300 đồng. Hành vi của các bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ.

[3.3.2] Toà án cấp sơ thẩm xác định chủ tiệm cầm đồ anh Trần Quốc Th1 là bị hại trong vụ án là không chính xác, bởi lẽ: Các bị cáo làm giả đăng ký xe, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu mang tên Phạm Quốc H, gắn ảnh thật Lô Văn D ở vụ thứ nhất; mang tên Hồ Đức T2, gắn ảnh thật của Nguyễn Thanh T ở vụ thứ 2. Các bị cáo bố trí cho D và T lừa chủ hiệu cầm đồ là anh Trần Quốc Th1 khiến cho anh Th1 nhầm lẫn, tưởng là người thật, giấy tờ thật nên đã nhận xe và giao tiền cho các bị cáo 02 lần, tổng cộng 570.000.000 đồng. Như vậy, chủ tiệm cầm đồ cũng bị lừa dối nhưng đây là lừa dối trong quan hệ giao dịch dân sự, dịch vụ: nhận vật - giao tiền; chủ hiệu cầm đồ giao tiền cho các bị cáo, song nhận lại xe ô tô có giá trị lớn hơn, thể hiện sự trao đổi về tài sản. Do đó, chủ hiệu cầm đồ trong vụ án này tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[3.3.3] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng các bị cáo chỉ nhằm chiếm đoạt tiền của chủ hiệu cầm đồ mà không nhằm mục đích chiếm đoạt xe ô tô là không chính xác, vì trên thực tế hành vi của các bị cáo trước hết là nhắm vào chủ xe ô tô, nhằm chiếm đoạt xe ô tô, phải chiếm đoạt được xe ô tô sau đó mới có điều kiện dùng xe làm phương tiện trao đổi để lấy tiền của chủ hiệu cầm đồ nên xác định chủ xe ô tô là bị hại là phù hợp. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về phần này là không có căn cứ chấp nhận.

[3.4] Các bị cáo Bùi Văn Th, Lô Văn D, Nguyễn Thanh T và Lê Đình S cùng chung mục đích thực hiện hành vi phạm tội là làm giả các tài liệu, giấy tờ của cơ quan nhà nước gồm chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, sổ hộ khẩu, đăng ký xe, cụ thể các bị cáo đã làm giả 7 giấy tờ, tài liệu trên sau đó sử dụng các giấy tờ, tài liệu giả để lừa đảo chiếm đoạt 02 xe ô tô trị giá 1.049.376.300 đồng nên các bị cáo phải chịu 02 tình tiết định khung tăng nặng *"làm giả 06 tài liệu, giấy tờ khác trở lên"* và *"Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng"* theo điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[3.5] Xét Toà án cấp sơ thẩm xác định thiếu hành vi phạm tội của các bị cáo từ đó áp dụng thiếu tình tiết định khung tăng nặng đối với các bị cáo là sai lầm trong việc áp dụng pháp luật. Tuy nhiên, tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo Điều 341 Bộ luật Hình sự là tội ghép, các bị cáo thực hiện 02 hành vi phạm phạm tội nhưng cũng chỉ phải chịu một hình phạt. Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Th 04 năm tù, xử phạt bị cáo T và D mỗi bị cáo 03 năm tù là phù hợp với tính chất hành vi cũng như vai trò của từng bị cáo trong vụ án nên không cần thiết phải huỷ án sơ thẩm.

[3.6] Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định các bị cáo Th, T và D dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 02 xe ô tô trị giá 1.049.376.300 đồng. Như vậy, trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt được xác định ít hơn so với Toà án cấp sơ thẩm quy kết do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[3.7] Xét Toà án cấp sơ thẩm xác định chủ hiệu cầm đồ anh Trần Quốc Th1 là bị hại là không chính xác, nhưng sau khi xét xử sơ thẩm anh Th1 không kháng cáo, đồng thời án sơ thẩm đã tuyên buộc các bị cáo Bùi Văn Th, Nguyễn Thanh T, Lô Văn D có trách nhiệm liên đới bồi thường theo phần bằng nhau cho bị hại ông Trần Quốc Th1 số tiền 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu đồng); cụ thể mỗi bị cáo bồi thường 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng). Như vậy, quyền và lợi ích hợp pháp của anh Th1 đã được đảm bảo nên không cần thiết phải huỷ án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, huỷ án sơ thẩm để điều tra lại là có căn cứ một phần về xác định tội danh đối với các bị cáo nên được chấp nhận.

[5] Quan điểm của luật sư bào chữa cho các bị cáo Th, T đề nghị huỷ án sơ thẩm là không có căn cứ. Luật sư bào chữa cho bị cáo D đề nghị sửa án sơ thẩm giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là có căn cứ.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa Bản án sơ thẩm số 41/2021/HS-ST ngày 09/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

1/. Tuyên bố các bị cáo: Bùi Văn Th, Nguyễn Thanh T, Lô Văn D cùng phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức*".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Văn Th.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Th 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 04 (bốn) năm tù về tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức*".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Bùi Văn Th phải chấp hành hình phạt chung cho cho cả hai tội là 17 (mười bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/11/2020.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 03 (ba) năm tù về tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức*".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải chấp hành hình phạt chung cho cho cả hai tội là 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/11/2020.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lô Văn D.

Xử phạt bị cáo Lô Văn D 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và 03 (ba) năm tù về tội "*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức*".

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Lô Văn D phải chấp hành hình phạt chung cho cho cả hai tội là 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/11/2020.

2/. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 586, 587 khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Bùi Văn Th, Nguyễn Thanh T, Lô Văn D có trách nhiệm liên đới bồi thường theo phần bằng nhau cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc Th1 số tiền 570.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi triệu

đồng); cụ thể mỗi bị cáo bồi thường 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

4/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/. Các bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

6/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP. HCM (1);
- TAND tỉnh Lâm Đồng (4);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (1);
- Công an tỉnh Lâm Đồng (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (1);
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng (4);
- Lưu VP (3), HS (2). 19b.HDT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Thịnh